

Số: 07/2020/QĐST- HNGĐ

B, ngày 17 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:08/2020/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Nông Thị L** - Sinh năm 1996;

Trú tại: Thôn B, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Anh **Phùng Văn H** - Sinh năm 1991;

Trú tại: Thôn N, xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nông Thị L và anh Phùng Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị L và anh Phùng Văn H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nông Thị L và anh Phùng Văn H xác định có 01 con chung là Phùng Khánh H – Sinh ngày 31/01/2019 (*con khỏe mạnh, phát triển bình thường*). Ly hôn, Chị Nông Thị L và anh Phùng Văn H thỏa thuận chị Nông Thị L

là người trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 (Mười tám) tuổi.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nông Thị L không yêu cầu anh Phùng Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Phùng Văn H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.4. Về chia tài sản chung và vay nợ chung: Chị Nông Thị L và anh Phùng Văn H xác định không có tài sản chung và vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Nông Thị L tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 08732 ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chị L được hoàn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh H không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (Nơi ĐKKH);
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Triệu Thị Huyền